

Số: 531/2020/QĐST- HNGĐ

Đông Anh, ngày 23 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 451/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Xuân T. Sinh ngày 08/10/19xx, giấy chứng minh nhân dân số 08105xxxx do Công an thành phố LS cấp ngày 07/10/2010.

Hộ khẩu thường trú: Khu TM II, thị trấn HL, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn; Nơi ở: Thôn Đ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thúy H, sinh ngày 20/12/19xx, chứng minh nhân dân số 05418000xxxx do Cục cảnh sát cấp ngày 20/01/2015.

Hộ khẩu thường trú: Tổ xx thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Thôn Đ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đỗ Hoài N, sinh ngày 30/8/20xx; Hộ khẩu thường trú: Tổ xx thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Thôn Đ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đỗ Hoài Nam là bố mẹ của cháu:

1. Anh Đỗ Xuân T. Sinh ngày 08/10/19xx, giấy chứng minh nhân dân số 08105xxxx do Công an thành phố LS cấp ngày 07/10/2010; Hộ khẩu thường trú: Khu TM II, thị trấn HL, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn; Nơi ở: Thôn Đ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2. Chị Nguyễn Thúy H sinh ngày 20/12/19xx, chứng minh nhân dân số 05418000xxxx do Cục cảnh sát cấp ngày 20/01/2015; Hộ khẩu thường trú: Tổ xx thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Thôn Đ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đỗ Xuân Tvà chị Nguyễn Thúy H.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Vợ chồng có hai con chung là: Cháu Đỗ Hoài N, sinh ngày 30/8/2012, cháu Đỗ Mai T, sinh ngày 21/6/2016, các cháu khỏe mạnh, bình thường. Ly hôn, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung của anh chị cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị thống nhất tự thoả thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh chị thống nhất vợ chồng có: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền tại thửa số 149(1), tờ bản đồ số 25 thôn Đ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/12/2016 đứng tên anh chị. Trên đất có nhà 03 tầng xây trên toàn bộ diện tích đất.

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc chia tài sản của anh chị theo nội dung “Biên bản thoả thuận chia tài sản chung khi ly hôn” ghi ngày 18/8/2020 mà anh chị đã giao nộp cho Tòa án. Theo đó toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền là nhà 03 tầng trên thửa đất số 149(1), tờ bản đồ số 25 thôn Đ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/12/2016 đứng tên anh chị được anh chị thống nhất tặng cho con trai của anh chị là cháu Đỗ Hoài N và người trực tiếp nuôi cháu sẽ đại diện quản lý tài sản

này cho cháu cho đến lúc cháu thành niên. Ngoài ra đối với các tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt anh chị đã giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mỗi bên chịu 1/2, hai bên thoả thuận để anh T chịu cả, nhưng được trừ vào 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2018/001xxxx ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh T được hoàn trả số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí chia tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung theo quy định tại Điểm d Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án Hà Nội;
- Thi hành án dân sự;
- UBND thị trấn ĐA, huyện ĐA, Hà Nội
(GCN kết hôn số 313/2011 ngày 26/12/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thu Thanh